

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VINH PHÚC
CHI CỤC QUẢN LÝ NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN



PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Loại hồ sơ: BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Cơ sở tự công bố sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Loại sản phẩm: Sữa ong chúa Tam Đảo

Người nộp hồ sơ: Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ: Hương Lộ, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3871 369

Hồ sơ gồm có:

- Bản tự công bố sản phẩm
- Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến
- Bản tiêu chuẩn sản phẩm
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm

Ngày nhận: 16/09/2019

Ghi chú: Hồ sơ tự công bố được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Phúc. Địa chỉ truy cập: snnptnt.vinhphuc.gov.vn

Người nộp

Nguyễn Thị Huệ

Người nhận

Nguyễn Tự Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 18/HONECO/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

- Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Điện thoại: 0211. 3871. 369
- Mã số doanh nghiệp: 2500214564

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Sữa ong chúa Tam Đảo**

2. Thành phần: Sữa ong chúa tươi tự nhiên 100%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 03 năm kể từ ngày sản xuất (*Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.*)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa đảm bảo theo:
 - QCVN 12-4:2015/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng thủy tinh, gốm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp
- Quy cách đóng gói: Đảm bảo theo thông tư số 21/2014/TT-BKHCHN Quy định về đo lường đối với hàng hóa đóng gói sẵn.
Quy cách: 100g, 250g, 360g, 500g, 800g, 860g, 1000g,...

Hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Sử dụng thùng xốp để đựng sản phẩm và vận chuyển.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Nội dung ghi nhãn đính kèm hồ sơ

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Sản phẩm: **Sữa ong chúa Tam Đảo**
2. Sản xuất tại nhà máy :
 Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
 Địa chỉ: Hương Lộc, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
3. Trạng thái sản phẩm:
 Dạng bào chế: dạng sệt của sữa ong chúa
 Màu sắc: Màu trắng đục đến màu vàng nhạt
4. Thành phần cấu tạo: Sữa ong chúa tươi tự nhiên 100%
5. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: TCCS số 01/2019/TCCS-HONECO

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Protein	%	≥ 12
2	Cacbonhydrat	%	≥ 15
3	Độ ẩm	%	≤ 68

6. Giới hạn an toàn của sản phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Mức công bố
1	TSVKHK	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 15.000
2	E.Coli	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
3	Vị khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
4	Salmonella	CFU/25g	TCVN: 5375:1991	0
5	S.aureus	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
6	Nấm mốc	CFU/g	TCVN: 5375:1991	0
7	Nấm men	CFU/g	TCVN: 5375:1991	≤ 1000
8	Arsen (As)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 1
9	Thủy ngân (Hg)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 0,05
10	Chì (Pb)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 2
11	Cadimi (Cd)	ppm	QCVN 8-2:2011/BYT	≤ 1
12	Aflatoxin B ₁	µg/kg	Số 46/2007/QĐ-BYT	≤ 5
13	Aflatoxin B ₁ B ₂ G ₁ G ₂	µg/kg	Số 46/2007/QĐ-BYT	≤ 15

7. Hướng dẫn sử dụng:

Người lớn ngày dùng 2 lần, mỗi lần từ 1- 2 thìa (5 -10g), uống vào trước bữa ăn sáng và tối trước khi ngủ.

Ăn trực tiếp bằng cách ngậm dưới lưỡi hoặc pha với nước ấm, chế thêm chút mật ong cho vừa uống.

8. Cảnh báo:

Những người có tiền sử bị dị ứng với sữa ong chúa thì không nên sử dụng.

9. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh hoặc hũ nhựa, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách đóng gói: 100g, 250 g, 450 g, 500 g, 600 g, 1000 g...hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

10. Thời hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất (ngày sản xuất, hạn sử dụng in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.)

11. Hướng dẫn bảo quản:

Đậy kín, nhiệt độ bảo quản <0°C

Sau khi mở nắp sử dụng, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh.

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 09 năm 2019

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BAN HÀNH KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Nga

Mã số mẫu / Sample ID: 1903879-01

BN: 190328026

Trang / Page: 1 / 1

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Địa chỉ / Address : Thôn Hưởng Lộc, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Tên mẫu / Sample name : Sữa ong chúa

Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong hũ thủy tinh

Nền mẫu / Matrix : Sữa ong chúa

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 28/ 03/ 2019

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 04/ 04/ 2019

Chỉ tiêu phân tích Test Parameter(s)	Kết quả Result	LOD	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
<i>Clostridium perfringens</i>	<10		CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
<i>Escherichia coli</i>	<10		CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) (*)
<i>Staphylococcus aureus</i>	<10		CFU/g	Ref. AOAC 975.55
Tổng số VSV hiếu khí	6.4x10 ²		CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) (*)
<i>Salmonella</i> spp.	Âm tính		/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) (*)
Tổng số nấm men, nấm mốc	<10		CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2005) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS).

(i) Phương pháp được Cục An Toàn Thực Phẩm (Bộ Y Tế) chỉ định. / The method is accredited by Vietnam Food Administration (Ministry of Health).

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản (NAFIQAD) chỉ định. / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD).

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g), nhỏ hơn 3 MPN/g (<3 MPN/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g), less than 3MPN/g (<3 MPN/g) when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

MS. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director
MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty / The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.



SỞ Y TẾ VINH PHÚC
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM**

37 Chu Văn An - Liên Bảo - Vinh Yên - Vinh Phúc
ĐT/Fax: 0211.3861 376



(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử)

Mẫu kiểm nghiệm: SỮA ONG CHÚA TAM ĐẢO

Số đăng kí: Không có

Nơi sản xuất: Công ty CP Ong Tam Đảo

Số kiểm soát: Không có

Hạn dùng: Không có

Nơi gửi mẫu: Công ty CP Ong Tam Đảo - Km 19 Quốc lộ 2 - Xã Đạo Đức - Bình Xuyên - T. Vinh Phúc

Người gửi mẫu: Nguyễn Thị Huệ

Ngày nhận mẫu: 16/8/2019

Số đăng kí KN: 19MGTP 208

Yêu cầu KN: Kiểm tra chất lượng

Tiêu chuẩn:

Tình trạng mẫu khi nhận: Mẫu kiểm nghiệm đựng trong lọ thủy tinh đậy nắp kín.

Kết quả kiểm nghiệm:

1. Chỉ tiêu Hóa lý:				
STT	Tên chỉ tiêu *	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.1**	Asen	ppm	TQKT	KPH
1.2**	Chì	ppm	TQKT	1,17
1.3**	Thủy ngân	ppm	TQKT	0,03
1.4**	Cadimi	ppm	TQKT	0,03
1.5**	Độ ẩm	%	TQKT	65,6%
1.6*	Hàm lượng Protein	g/100g	Viện KN ATVSTP Quốc gia	14,6
1.7*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	Viện KN ATVSTP Quốc gia	KPH (LOD: 0,5µg/kg)

Ghi chú:- Tên mẫu, nơi sản xuất và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm và kết luận ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới
- Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm kiểm nghiệm Vinh Phúc
- Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được thực hiện bởi Nhà thầu phụ
- Chỉ tiêu đánh dấu ** là chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS

1.8*	Hàm lượng Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Viện KN ATVSTP Quốc gia	KPH (LOD: 0,5µg/kg)
1.9*	Carbohydrat	g/100g	Viện KN ATVSTP Quốc gia	21,2
2. Chỉ tiêu Vi sinh				
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
2.1**	Vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S	CFU/g	TCVN 4991:2005	0
2.2**	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	0

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử - LOD).

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 8 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Phạm Đình Thảo

Ghi chú: - Tên mẫu, nơi sản xuất và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - Các kết quả thử nghiệm và kết luận ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới
 - Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm kiểm nghiệm Vĩnh Phúc
 - Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được thực hiện bởi Nhà thầu phụ
 - Chỉ tiêu đánh dấu ** là chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS